

Giải Thoát

TUỆ GIẢI THOÁT

Những Bài Pháp của
Đức Phật từ Pali Tạng đến Hán Tạng



Tâm Tịnh Cần Tập

TUỆ GIẢI THOÁT

Tâm Tịnh cẩn tập
Thiết kế bìa: Mimi Dang

MỤC LỤC

Lời mở đầu	2
Tuệ giải thoát.....	7
Đề tâm vô trụ khi làm từ thiện.....	28
Mười một cửa giải thoát.....	42
Tự tại giữa ‘có’ và ‘không’.....	63
Tưởng vô thường, tưởng vô ngã, thoát mọi khổ đau.....	72
Chân không diệu hữu, tự tại thông dong.....	80
Đoạn nghi ngờ là chơn giải thoát	87

LỜI MỞ ĐẦU

Trong Trung Bộ Kinh, Kinh 110 Tiểu Kinh Mãn Nguyệt, Đức Phật xác quyết trên thế gian này có những người theo chánh hạnh, chánh hướng tự mình chứng đạt với thắng trí đời này đời khác, và truyền dạy lại, như đoạn kinh văn sau đây về người bất chánh có tà kiến như người bất chánh, và người chơn chánh có chánh kiến như người chơn chánh

“Ở đời, không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh có tà kiến như người bất chánh.

“Ở đời có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh có chánh kiến như người chơn chánh.

(Trung Bộ Kinh- 110 Tiểu Kinh Mãn Nguyệt. Hòa Thượng Thích Minh Châu <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-trungbo/trung110.htm>).

Nhờ vào hồng ân Tam Bảo và lực gia trì của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, của Chư Phật và Long Thần Hộ Pháp, bảy bài kết tập trong quyển tập này được khéo trích dẫn từ Nikāya (Pali tạng) và Hán tạng về tuệ giải thoát qua pháp thuần quán, trong đó Đức Phật đã chỉ dạy trong nhiều bài kinh với những cách trình bày khác nhau

nhưng tựu chung cùng hướng đến mục đích tối thượng: giải thoát, niết bàn.

Bảy bài kết tập này được đăng rộng rãi trên các trang Phật Giáo chính thống và phổ biến như Tạp Chí Văn Hóa Phật Giáo, Tạp Chí Nghiên Cứu Phật Học, Phật Giáo.org, Trang Nhà Quảng Đức, Đạo Phật Ngày Nay, Thư Viện Hoa Sen, Người Phật Tử, Chùa A Di Đà vv.

Bài số một: “*Tuệ Giải Thoát*” được đăng trên Tạp Chí Văn Hóa Phật Giáo số 319/2019 và nhiều trang web Phật Giáo chính thống khác, là tập hợp những bài kinh từ Nikàya về Tuệ quán vô thường, khổ và vô ngã của tất cả các pháp (ngũ uẩn giai không), và hành giả không để tâm trụ bất kể pháp nào, thì sẽ được giải thoát. Đặc biệt, những ai khéo và kiên tâm tu tập pháp thuần quán sẽ đưa đến giải thoát mà không có thần thông lực.

Bài số hai, “*Để Tâm Vô Trụ Khi Làm Từ Thiện*”, được đăng trên Tạp Chí Nghiên Cứu Phật Học số 5/2017 và nhiều trang web Phật Giáo chính thống khác, là một sự đúc kết về pháp môn ‘vô trụ’ qua năm thời giáo pháp của Phật Tổ từ Pali tạng đến Hán Tạng, qua đó cho thấy tính tương đồng và nhất quán của Phật Giáo Nam Truyền và Phật Giáo Bắc Truyền về pháp vô ngã tướng. Đức Phật dạy bản tâm luôn thanh tịnh, chẳng động, chẳng sanh, chẳng khởi cho nên khi làm việc gì, khi nghĩ tưởng việc gì không nên sanh tâm chấp trước, tức là vô trụ, lia tất cả tướng, thì hành giả sẽ được giải thoát.

Bài số ba, “*Mười Một Cửa Giải Thoát*”, được đăng rộng rãi trên nhiều web Phật Giáo chính thống như PHẬT GIÁO.org, Trang Nhà Quảng Đức: quangduc.com, Đạo Phật Ngày Nay, Thư Viện Hoa Sen vv, là sự kết tập những bài kinh Nikàya, đặc biệt kinh số 52 Bát Thành thuộc Trung Bộ trong đó Ngài Anan tuyên lại lời Phật dạy về mười một cách có thể giúp hành giả thoát mọi khổ đau: Bốn cửa từ tứ thiền hiện tại lạc trú, ba cửa từ tam thiền tịch tịnh trú, và bốn cửa từ tứ vô lượng tâm giải thoát. Hành giả chỉ cần thành tựu một pháp chẳng hạn như sơ thiền: ly dục, ly bất thiện pháp có tâm có tứ hoặc từ tâm giải thoát (sân tâm không còn ngự trị trong tâm), hoặc bi tâm giải thoát (hại tâm không còn ngự trị trong tâm) vv, từ đây hành giả tuệ tri sơ thiền, từ tâm giải thoát..., là pháp hữu vi, vô thường, chịu sự hoại diệt nên khổ, vô ngã, nên hành giả không sinh tâm chấp trước, như vậy hành giả sẽ được an ổn mọi khổ ách. Đặc biệt, bài kết tập này tập trung vào sự thù thắng của tứ vô lượng tâm giải thoát của đệ tử chân chánh của Như Lai so với những hành giả ngoại đạo khi thành tựu một trong bốn tâm này.

Bài số bốn, “*Tự Tại Giữa ‘Có’ và ‘Không’*”, được đăng trên Tạp Chí Nghiên Cứu Phật Học số tháng 9/2018, và nhiều trang web Phật Giáo chính thống khác, là một bài luận ứng dụng tính không trong đời sống hàng ngày để chuyển hóa nỗi khổ và niềm đau thành an lạc, giải thoát từng phần, tiến đến giải thoát hoàn toàn.

Bài số năm, “*Tưởng Vô Thường, Tưởng Vô Ngã, Thoát Mọi Khổ Đau*”, được đăng trên các web Phật Giáo chính thống như PHẬT GIÁO.org, Đạo Phật Ngày Nay, Thế Giới Phật Giáo, Thư Viện Hoa Sen, Người Phật Tử..., là những bài kinh kết tập từ Nikàya và Hán tạng về pháp quán tưởng vô thường, tưởng vô ngã khi hành giả thường an trú, thường tu tập cho đến thành thục, thì sẽ nhổ lên sự kiêu mạn: Tôi Là, chúng đạt niết bàn ngay trong đời này.

Bài số sáu, “*Chân Không Diệu Hữu, Tự Tại Thông Dong*”, được đăng trên Tạp Chí Văn Hóa Phật Giáo số 330_01/10/2019, và nhiều trang web Phật Giáo chính thống khác, là kết quả kết tập lời Phật dạy trong kinh Nikàya và Hán tạng, trong đó Thế Tôn chỉ hành giả cách an trụ tâm ở ‘không’, là sự an trụ cứu cánh giải thoát. Đặc biệt Đức Phật dạy ‘cái gì’ là hư vọng, ‘cái gì’ là chân đế (chân không), niết bàn: Hành giả tuệ tri tất cả pháp đều hư vọng do duyên hợp, duyên tan, duyên sanh, vô tự tánh, không thấy cái ta, cái tôi, cái của ta, cái của tôi trong tất cả hiện tượng vạn pháp do duyên sanh thì là diệu hữu vậy, vì thế không sanh tâm chấp trước nên giải thoát, chân đế (chân không). Đáng chú ý nhất là bài kinh 81 Pàrileyya Tương Ứng Uẩn cho thấy các lậu hoặc được đoạn tận ngay lập tức khi tuệ tri hành là vô thường, hữu vi do duyên sanh, thọ là vô thường, hữu vi do duyên sanh, khát ái vô thường, hữu vi do duyên sanh, thì sẽ thông dong tự tại giải thoát ngay lập tức.

Bài số bảy, “Đoạn Nghi Ngồi Là Chơn Giải Thoát”, tập hợp những bài pháp của Thế Tôn về sự tín thọ pháp môn vô trụ do thấu hiểu bản tâm thanh tịnh vắng lặng, chẳng sanh, chẳng khởi, chẳng động nhưng thường sáng soi hay nói một cách khác khi thấu rõ chân diệu đế thì lập tức giải thoát.

Ngoài bài số bốn, tất cả những bài kết tập này là lời Phật dạy trong cả hai tạng kinh chính thống: Pali tạng và Hán tạng cho thấy hành giả thời nay hay về sau hay trước đây đều có thể thành tựu tuệ giải thoát khi khéo hành trì và kiên tâm với tuệ quán vô thường, vô ngã.

“Pháp và luật của ta là thầy của các con, và đừng nương tựa vào bất kể điều gì khác” là di huấn vàng ngọc của Đức Thích Tôn trước khi nhập vô dư niết bàn cho hàng hậu học, nhất là trong thời mạt pháp. Tâm Tịnh xin chân thành chia sẻ đến quý đạo hữu gần xa.

Có thể trong khi kết tập có những sai sót, xin quý đạo hữu cao minh ân cần chỉ bảo để chánh pháp phát triển sâu rộng khắp nhân gian, mang ánh sáng trí tuệ và từ bi đến mọi người, mọi nhà.

Như huyễn Tâm Tịnh

TUỆ GIẢI THOÁT

Tâm Tịnh cần tập

(Tập Chí Văn Hóa Phật Giáo số 319_15/04/2019 trtr. 28-31)

Vì thương xót hết thảy hữu tình phải chịu phiền não, đau thương do tham ái mà bị trôi dạt trong bể khổ sinh tử luân hồi, Đức Phật hiện ra ở đời để lại cho thế gian vô số pháp môn tu tập, tùy theo căn cơ, sở trường và hoàn cảnh của mỗi chúng sanh mà chọn lựa pháp hành thích ứng để tu tập nhằm chuyển hóa nỗi khổ và niềm đau thành an lạc, giải thoát, niết bàn. Chư pháp của Thế Tôn được ví như những thang thuốc tùy bệnh mà bốc thuốc. Trong số đó, Tuệ quán vô thường, khổ và vô ngã của tất cả pháp, qua đó hành giả quán tánh ly tham, quán tánh đoạn diệt, quán tánh xả ly của tất cả pháp, là pháp “tối thượng” và vi diệu ‘nhất’ vì nếu hành giả thường xuyên hành trì sẽ ‘chứng đạt’ Tuệ Giải Thoát, vị ấy sẽ đoạn tận mọi kiết sử, không còn khổ đau, phạm hạnh đã thành, chánh tri giải thoát, là bậc A-La-Hán.

Bài kết tập này tập trung tìm hiểu những vấn đề liên quan về Tuệ Giải Thoát trên nền tảng giáo điển của Nikaya (Pali tạng) ngõ hầu giúp quý đạo hữu phần nào có cái nhìn sâu sắc và chi tiết về thuần quán: Tuệ quán

vô thường, khổ và vô ngã của hết thầy pháp. Những vấn đề chính cần được triển khai như sau: Thế nào là Tuệ Giải Thoát? Làm sao có được Trí Tuệ Giải Thoát? Những hành giả với Tuệ Giải Thoát có thần thông lực hay không?

1. Thế nào là tuệ giải thoát?

Có thể hiểu hành giả chứng được tuệ giải thoát là người đã thành thực pháp hành thuần quán về tất cả pháp đều vô thường, khổ và vô ngã, và từ đó nhằm chán và ly tham tất cả pháp, đạt được cứu cánh giải thoát, an ổn mọi khổ ách, như đã được Thế Tôn chỉ dạy cho tân Tỷ kheo Susīma trong bài kinh số 70 Tương Ứng Nhân Duyên thuộc Tương Ứng Bộ:

Tân Tỷ kheo Susīma hỏi Phật về Tuệ Giải Thoát vì Susīma phân vân khi được nghe nhiều Tỷ-kheo trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: “Chúng tôi biết rõ rằng: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.’” và họ nói với Susīma: “Chúng tôi đã chứng được Tuệ Giải Thoát”.

Sau đây là lời dạy của Đức Thích Tôn:

Rồi Tôn giả Susīma từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Susīma trình bày lên Thế Tôn tất cả câu chuyện với các Tỷ-kheo ấy.

—Này Susīma, trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn.

—Bạch Thế Tôn, con không hiểu được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn!

—Này Susīma, dù cho ông có biết hay ông không có biết, trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn. Này Susīma, ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

—Là vô thường, bạch Thế Tôn?

—Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

—Là khổ, bạch Thế Tôn.

—Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi chúng ta quán vật ấy là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?

—Thưa không, bạch Thế Tôn.

—Thọ là thường hay vô thường?

—Vô thường, bạch Thế Tôn.

—Tuởng là thường hay vô thường?

—Vô thường, bạch Thế Tôn.

—Các hành là thường hay vô thường?

—Vô thường, bạch Thế Tôn.

—Thức là thường hay vô thường?

—Vô thường, bạch Thế Tôn.

—Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

—Là khổ, bạch Thế Tôn.

—Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu chúng ta quán vật ấy là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?

—Thưa không, bạch Thế Tôn.

—Do vậy, này *Susīma*, cái gì thuộc sắc pháp quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả sắc pháp cần phải được quán như chơn như sau: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi”.

Cái gì thuộc thọ quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...

Cái gì thuộc tưởng quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...

Cái gì thuộc hành quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...

Cái gì thuộc thức quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, **tất cả thức** cần phải quán như chơn với chánh trí tuệ như sau: “Cái

này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi”.

Này Susīma, thấy như vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với sắc, nhằm chán đối với thọ, nhằm chán đối với tưởng, nhằm chán đối với các hành, nhằm chán đối với thức. Do nhằm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: “Ta đã giải thoát”. Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”. Này Susīma, ông có thấy chăng: “Do duyên sanh, già chết sanh khởi”?

—Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Rõ ràng đoạn kinh văn trên trước hết Đức Phật chỉ cho Hiền Giả Susīma: Trí về pháp trú - Trí hiểu biết về thật tánh của tất cả pháp hữu vi, ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) là vô thường, khổ và vô ngã: không có tự tánh, sau đó là trí niết bàn: quán tánh ly tham, quan tánh tánh đoạn diệt, và giải thoát.

2. Pháp hành trì để chứng được Tuệ Giải Thoát

2.1 Thường xuyên hành trì thuần quán:

Tất cả các pháp đều bình đẳng, không hơn, không kém vì tất cả pháp hữu vi đều vô thường, khổ và vô ngã, thường quán niệm như vậy cho nên hành giả không chấp thủ một pháp nào. Do không chấp trước, nên không phiền não, do không phiền não, hành giả tự chứng niết bàn như lời dạy của Tôn Sư trong bài kinh số 37 Đoạn Tận Ái Giải Thoát thuộc Trung Bộ Kinh như sau:

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Savatthi (Xá-vệ), Đông Viên (Pubbarama), giảng đường Lộc Mẫu (Migaramatu).

Rồi Thiên chủ Sakka đến tại chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Thiên chủ Sakka đứng một bên, bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, nói một cách tóm tắt, đến mức độ nào, một Tỷ-kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu

cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người?

-- Ở đây, này Thiên chủ, Tỷ-kheo được nghe như sau: **"Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối với tất cả pháp"**. Này Thiên chủ, nếu Tỷ-kheo được nghe như sau: **"Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối với tất cả pháp"**, vị ấy biết rõ tất cả pháp. Sau khi biết rõ tất cả pháp, vị ấy biết một cách rớt ráo tất cả pháp. Do biết một cách rớt ráo tất cả pháp, nếu có một cảm thọ nào, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy. **Vị ấy nhờ sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy, nên không chấp trước một vật gì ở đời; do không chấp trước nên không phiền não, do không phiền não, vị ấy chứng đạt Niết-bàn.** Vị ấy tuệ tri: **"Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa"**. Này Thiên chủ, một cách tóm tắt, đến mức độ như vậy, một Tỷ-Kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn

khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người.

Vị ấy nhờ sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ: lạc, khổ, không lạc không khổ, thì vị ấy không còn chấp thủ một vật gì ở đời, và vị ấy tự chứng niết bàn: Rõ ràng Thế Tôn có ý nhắc nhở rằng trong đời sống những ai thường quan niệm như vậy sẽ được an ổn mọi khổ ách.

2.2 Chọn pháp môn tu hành phù hợp với căn cơ và sở trường

Từ đó quán tánh vô thường, quán tánh ly tham, quán tánh đoạn duyên, quán tánh xả ly thọ lạc do hành trì kiên định pháp môn mình tu tập mang lại, như bài kinh “Bát Thành” số 52, Trung Bộ Kinh trong đó Ngài Anan đã chỉ ra mười một pháp bất tử: Tứ vô lượng tâm, tứ thiền hiện rai lạc trú và tam thiền tịch tịnh trú: khi hành giả thực hành thành tựu chỉ một pháp chẳng hạn trong Tứ vô lượng tâm, hành giả thành tựu chỉ một tâm như Từ tâm giải thoát tức là sân tâm không còn ngự trị trong tâm,

hoặc Bi tâm giải thoát, tức là hại tâm không còn ngự trị trong tâm, Hỷ tâm giải thoát, thì bất lạc không còn ngự trị trong tâm, Xả tâm giải thoát, tức là tham tâm không còn ngự trị trong tâm; hoặc thành tựu sơ thiền vv; từ đây nhận biết Từ tâm giải thoát, Bi tâm giải thoát vv là pháp hữu vi nên vô thường, chịu sự hoại diệt, từ đó hành giả quán tánh ly tham, quán tánh đoạn diệt và quán tánh xả ly của những pháp này. Nhờ vậy, hành giả không còn chấp trước nên tự chứng niết bàn (52 Kinh Bát Thành, Trung Bộ Kinh, hoặc Mười Một Cửa Giải Thoát, Tâm Tịnh).

3. Bậc Tuệ Giải Thoát có năng lực thần thông không?

3.1 Đức Phật không phủ nhận lời chỉ trích của du sĩ Vehhanassa về không có năng lực thần thông của một số Tỷ Kheo đã đoạn tận ái dục, phạm hạnh đã thành:

Một du sĩ ngoại đạo Vekhanassa, bộ tộc Kaccana phần nộ và bất mãn cho rằng có một số Sa-môn, Bà-la-môn

không biết về quá khứ, không thấy về tương lai, nhưng các vị ấy tự cho: *"Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, từ nay không trở lại đời sống này nữa"*. Lời nói như vậy của họ tự chứng tỏ là đáng cười, tự chứng tỏ là nói suông, tự chứng tỏ là trống không, tự chứng tỏ là hư vọng”.

Đức Phật không phủ nhận lời chỉ trích của du sĩ Vekhanassa. Nhưng Thế Tôn nói: *"hãy bỏ qua quá khứ, hãy bỏ qua tương lai. Hãy đến, người có trí không gian trá, không xảo quyệt, chơn trực và nói như sau: "Ta giảng dạy, ta thuyết pháp". Nếu thực hành theo điều đã dạy, thời không bao lâu người ấy tự biết mình, tự thấy mình: "Như vậy thật sự là đã giải thoát khỏi sự ràng buộc chánh, tức là sự ràng buộc của vô minh"* (Kinh 80 Vekhanassa, Trung Bộ Kinh).

3.2 Năng lực thần thông không có đối với bậc Tuệ Giải Thoát như Kinh số 70 Susīma Tương Ưng Bộ

Thế Tôn không phủ nhận lời chỉ trích của du sĩ Vekhanassa vì đối với Tỷ Kheo chứng được Tuệ Giải Thoát thì không có năng lực thần thông như được giải

thích rõ ở Chương 12: Tương Ứng Nhân Duyên, vii Đại Phẩm, Kinh số 70 Susima thuộc Tương Ứng Bộ:

Tân Tỷ kheo Susima hỏi trực tiếp với các tỷ kheo chứng đạt Tuệ Giải Thoát về khả năng thần thông lực và được chư tỷ kheo trả lời là không trong những đoạn kinh tiêu biểu dưới đây:

—*Có đúng sự thật chẳng, chư Tôn giả ở trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: “Chúng con biết rõ rằng: ‘Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa’”?*

—*Thưa có vậy, này Hiền giả.*

Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, nhớ được nhiều đời quá khứ. Như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: “Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được

sinh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sinh ra ở đây”. Như vậy, chư Tôn giả nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết?

—Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

—Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhân thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Chư Tôn giả biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, làm những ác hạnh về lời nói, những ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, làm những thiện hạnh về lời nói, làm những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên các thiện thú, cõi trời,

trên đời này. Như vậy, với thiên nhân thanh tịnh siêu nhân, các vị thấy sự sống chết của chúng sanh. Các vị biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ?

—Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

—Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, sau khi vượt khỏi Sắc giới, thân cảm xúc Vô sắc giới, an trú vào tịch tịnh giải thoát?

—Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

—Hay ở đây, có phải chư Tôn giả vừa trả lời như vậy, vừa không chứng được các pháp này?

-Này Hiền giả, không có chứng được gì.

—Như thế nào?

—Thưa Hiền giả Susīma, chúng tôi chứng được tuệ giải thoát.

—Tôi không biết được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vấn tắt này của chư Tôn giả. Lành thay nếu được chư

Tôn giả nói lên cho tôi, để tôi có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vẫn tắt này của chư Tôn giả!

—Này Hiền giả Susīma, dù cho ông có biết hay ông không biết, chúng tôi chứng được tuệ giải thoát.

Tân Tỷ Kheo Susīma đem vấn đề này đến trình bày Đức Thế Tôn, và sau khi được Đấng Thiện Thệ giải thích rõ Trí biết về pháp trú, trí về niết bàn (như đã trình bày ở trên), và hỏi Hiền Giả Susīma qua pháp thuận quán này các Tỷ Kheo chứng được Tuệ Giải Thoát có năng lực thần thông không?, thì được chính Samôn Susīma trả lời là **không** như đoạn trích sau:

—Nhưng này, biết như vậy, thấy như vậy, ông có chứng được các thần thông nhiều loại sai khác: Một thân hiện ra nhiều thân; nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; vói bàn tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy. Có thể sử dụng thân một cách tự tại cho đến cõi Phạm thiên?

—Thưa không, bạch Thế Tôn.

—Này Susīma, có phải biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, ông có thể nghe hai loại tiếng, tiếng chư Thiên và tiếng loài Người, tiếng xa và tiếng gần?

—Thưa không, bạch Thế Tôn.

—Này Susīma, có phải biết như vậy, thấy như vậy, với tâm của mình biết được tâm của chúng sanh sai khác, của loài Người sai khác. Với tâm có tham, ông biết được tâm có tham... với tâm không giải thoát, ông biết được là tâm không giải thoát; với tâm giải thoát, ông biết được là tâm giải thoát?

—Thưa không, bạch Thế Tôn.

—Này Susīma, có phải biết như vậy, thấy như vậy, ông có thể nhớ được nhiều đời quá khứ sai khác. Như một đời... (như trên)...ông có thể nhớ được nhiều đời quá khứ sai khác cùng với các nét đại cương và các chi tiết?

—Thưa không, bạch Thế Tôn.

—Này *Susīma*, nhưng biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhân thanh tịnh siêu nhân, ông có thể thấy các chúng sanh chết đi sanh lại... ông có thể biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ?

3.3 Không thể có thần thông qua hai bài kinh của Trung Bộ Kinh số 70 Kitāgiri và 52 Bát Thành

Kinh số 70- Kitāgiri Đức Phật đề cập và giải thích cô đọng về hai bậc A La Hán: bậc Câu Phần Giải Thoát và bậc Tuệ Giải Thoát trong đó bậc Tuệ Giải Thoát tự thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt qua sắc pháp và vô sắc như sau:

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc câu phần giải thoát? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi thân đã chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người câu phần giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói rằng không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy?

Vì sự việc ấy đã được vị này làm, nhờ không phóng dật, vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc tuệ giải thoát? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này như vậy được gọi là bậc tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Vì sự việc ấy đã được vị này làm, nhờ không phóng dật; vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

Ở Kinh số 52 Bát Thành trong mười một pháp môn bát tử có tứ thiền hiện tại lạc trú, tứ vô lượng tâm và tam thiền tịch tịnh trú (trừ phi phi tướng xứ): chỉ cần hành giả thành tựu một pháp môn chẳng hạn như sơ thiền, hoặc nhị thiền, hoặc tam thiền, hoặc Từ tâm giải thoát vv và từ đây nhận biết sơ thiền này, nhị thiền này, tam thiền này, Từ tâm giải thoát này là pháp hữu vi do suy tư tác thành nên vô thường, chịu sự đoạn diệt, và nếu vững trú ở đây, hành giả sẽ đoạn tận các lậu hoặc (52. Kinh Bát

Thành, Trung Bộ Kinh, hoặc Mười Một Cửa Giải Thoát, Tâm Tịnh).

Những hành giả từ sơ thiền đến tam thiền không có năng lực thần thông duy chỉ có những hành giả chứng đắc từ tứ thiền trở lên với tâm nhu nhuyễn, thuần tịnh, thì mới có thể có năng lực thần thông như trong Kinh Samôn Quả, Trường Bộ Kinh, hoặc theo Kinh Thanh Tịnh Đạo (Visud-dhimagga) thì thần thông (Thiên nhãn) này chỉ đạt được khi hành giả đã thành công vững chắc từ Tứ thiền trở lên (Catuttha Jha(na) và đang phát triển mạnh các “Thiền tâm vô sắc”, như “Không vô biên” hay “Thức vô biên” chẳng hạn ! (Kinh Visuddhimagga: Thanh Tịnh Đạo, đã được học giả Nānamolika dịch Pāli sang Anh Ngữ, do Buddhist Publication, Kandy xuất bản năm 1979, chương XIII, các đoạn 95-101, xem những trang từ 469 đến 471)

4. Kết luận

Qua những gì mà Đức Phật đã chỉ dạy trong một số bài kinh như đã trình bày, hành giả thời này có thể thành tựu Tuệ Giải Thoát khi thường xuyên thực hành thuần quán: Tất cả các pháp đều bình đẳng, không hơn, không kém. Thực tướng của tất cả pháp hữu vi đều vô thường, chịu sự biến hoại, nên khổ và vô ngã. Vì thế, hành giả sanh tâm nhàm chán, không chấp thủ một pháp nào, do chấp thủ không quá rồi vị ấy, vị ấy tự chứng Niết bàn” (Trung Bộ Kinh: Majjhima Nikaya 140. Kinh Giới phân biệt - Dhàtuvibhanga sutta).

5. Tài Liệu Tham Khảo

1. Trung Bộ Kinh (Hòa Thượng Thích Minh Châu).
52 Kinh Bát Thành.
<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-trungbo/trung52.htm>
2. Trung Bộ Kinh (Hòa Thượng Thích Minh Châu).
70. Kitàgiri. <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-trungbo/trung70.htm>
3. Trung Bộ Kinh (Hòa Thượng Thích Minh Châu).
80. Kinh Vekhanassa.

<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-trungbo/trung80.htm>

4. Trung Bộ Kinh (Hòa Thượng Thích Minh Châu). 140 Kinh Giới Phân Biệt.
<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-trungbo/trung140.htm>
5. Tương Ứng Bộ Kinh (Hòa Thượng Thích Minh Châu). Chương 12 Tương Ứng Nhân Duyên, VII Đại Phẩm: Mahāvagga, 70 Susima.
https://suttacentral.net/sn12.70/vi/minh_chau
6. Trương Bộ Kinh (Hòa Thượng Thích Minh Châu). 2 Samôn Quả.
<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-truongbo/truong02.htm>
7. Thanh Tịnh Đạo (Luận sư Bhadantacariya Buddhaghosa), chuyển dịch từ Pàli sang Anh ngữ Trưởng lão Nanamoli. Chuyển dịch từ Anh ngữ sang Việt ngữ: Thích Nữ Trí Hải
<https://www.budsas.org/uni/u-thanhtinh-dao/ttd-00.htm>
8. Tâm Tịnh (2018). Mười Một Cửa Giải Thoát. Phật Giáo. <https://phatgiao.org.vn/muoi-mot-cua-giai-thoat-d31051.html>

ĐỀ TÂM VÔ TRỤ LÀM TỪ THIỆN

Tâm Tịnh cần tập

Tạp chí Nghiên cứu Phật học (số 5, 2017) Cơ quan ngôn luận
của Trung Ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Ngày nay, thế giới tràn đầy niềm đau và nỗi khổ do sân
giận, hơn thua, tham lam, đố kỵ, vô minh mà ra. Vậy
những người con Phật, phát tâm Bồ đề dững mãnh, hành
bồ tát đạo ở chốn Ta bà rối ren, đáng sợ như thế phải trụ
tâm gì mới có thể tự tại, không bị chao đảo, lung lay đạo
tâm? Theo tuệ giác của Thế Tôn, Bồ tát ở trong sinh tử
đáng sợ nên đề tâm vô trụ khi làm phật sự, tức là không
dính mắc một pháp nào, chấp ngã, chấp pháp bởi lẽ tất
cả các pháp đều như huyễn, không thật có. Đây là pháp
môn tối quan trọng, hy hữu bậc nhất, được Thế Tôn
tuyên thuyết xuyên suốt trong năm thời giáo pháp 49
năm kể từ khi thành đạo cho đến nhập niết bàn.

Một đời giáo hóa của Đức Phật Thích Ca được khái quát
hóa trong ngũ thời bát giáo mà theo ngài Trí Giả, Tổ sư
sáng lập ra Tông Thiên Thai Trung Hoa đã sử dụng ngũ
thời để phân định trình tự thuyết pháp của đức Phật;
dùng “Bát giáo” để phân biệt pháp môn được thuyết và

nghi thức thuyết pháp. Theo năm thời giáo pháp, bài luận này chỉ ra pháp môn vô trụ không chỉ được tuyên thuyết trong thời Bát Nhã mà cả bốn thời còn lại, chỉ dấu cho thấy tầm quan trọng bậc nhất, như gươm báu trao tay chặt đứt phiền não cho bất kể ai, đặc biệt các hành giả đang hành Bồ tát đạo trong thế giới loạn trước ác thế này.

Thời Hoa Nghiêm: Sau khi Phật thành-đạo, trong 21 ngày đầu vì chur Bồ-tát pháp-thân Đại-sĩ trong hàng Thập-tín, Thập-trụ, Thập-hạnh, Thập hồi-hương, Thập-địa... mà thuyết ra kinh Hoa Nghiêm. Trong thời này, Vô trụ có thể được Phật chỉ rõ trong phẩm Thập Hạnh:

Tất cả các pháp đều hư vọng, chẳng thiệt, chóng sanh, chóng diệt, không kiên cố, như mộng như huyễn, như bóng như vang, NÓI DỐI PHỈNH KỂ NGU. Hiểu được như vậy liền được giác ngộ, được tất cả hành pháp, thông đạt sanh tử và niết bàn, chứng Phật bồ đề, tự được độ, khiến người được độ, tự giải thoát, khiến người giải thoát... (Hoa Nghiêm Kinh, Tập II, trtr.455-456).

Rõ ràng tất cả các pháp là huyễn hoặc, luôn biến diệt, không thật có, nên hành giả không sinh tâm dính mắc,

trụ tâm ở một pháp nào, tức là vô trụ. Ai hiểu được vậy, theo Thế Tôn, liền được Giác Ngộ.

Thời A-Hàm: Kế tiếp sau thời Hoa-Nghiêm, bắt đầu từ nơi vườn “Lộc-dã” với nhóm của ngài Kiều -Trần -Nhu... Phật thuyết ra các bộ kinh (Tiểu-thừa) A-Hàm. Những bộ kinh A Hàm này tương đương với bộ kinh Nikàya (Pali) của Phật giáo Nam truyền ở Việt Nam. Kinh Phật Tự Thuyết trong Tiểu Bộ Kinh (Nikàya), Thế Tôn đã để lại bài kệ pháp vô trụ trong bài kinh Udàna 79 về nhân duyên 500 cung nữ bị chết cháy trong cung điện như sau:

*Đời bị si trói buộc,
Được thấy bị tái sanh,
Bị trói bởi sanh y,
Kẻ ngu bị mù mây,
Tự thấy mình thường còn,
Nhưng với ai thấy được,
Sẽ không có vật gì.*

Câu kệ cuối cùng, không có vật gì thì làm sao mà trụ.
Câu kệ này tương ứng với câu kệ thứ ba của bài kệ thấy

tánh được Ngài Lục Tổ Huệ Năng hơn 1000 năm sau
ứng tác đối với 4 câu kệ của Ngài Thân Tú như sau,

Bồ đề vốn không cây

Gương sáng cũng không đài

Xưa nay chẳng có vật

Chỗ nào dính bụi nhơ.

Thời Phương Đăng: Sau thời A-Hàm, liên-tiếp trong 8 năm, Phật thuyết ra các bộ kinh Đại-thừa, giảng rộng về bốn khoa: Tạng-giáo , thông-giáo , biệt-giáo , viên-giáo. Trong thời này, nhiều bộ kinh được Thế Tôn thuyết giảng như Lăng Nghiêm, Kim Quang Minh, Vô Lượng Thọ, Phật thuyết A Di Đà Kinh, vv. Vô trụ cũng được thuyết trong nhiều kinh điển thời này như trong Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Duy Ma Cật, Kinh Lăng Già vv. Pháp môn không hai ở Phẩm 9 trong Kinh Duy Ma Cật cho thấy lý trung đạo, là những ví dụ điển hình về không chỗ trụ, không chấp ngã hay một pháp nào, như Bồ Tát Thiện Nhân nói, “*Nhất tướng với vô tướng là hai. Hiểu được nhất tướng rốt ráo là vô tướng, không chấp vào vô tướng để thành tựu bình đẳng, đó là vào Pháp môn không hai*” (Trtr.122-131). Trong khi ở Phẩm 7: Quán

Chúng Sanh có đoạn Ngài Duy Ma Cật nói, Bồ tát muốn diệt phiền não, trừ điên đảo, thì từ nơi vô trụ, vô trụ thì không gốc, ở nơi gốc không trụ mà lập tất cả pháp. (Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh, trtr.97-98).

Thời Bát Nhã: Sau thời Phương Đăng, Phật thuyết ra các bộ kinh BÁT-NHÃ liên-tiếp trong 22 năm. Trong thời này, Vô trụ được Đức Phật thuyết pháp chi tiết, cụ thể và rõ ràng, đặc biệt là trong Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh. Tất cả tướng đều bị Phật phủ định, Không Ngã, Không Nhân, Không Chúng sanh, Không Thọ Giả, không còn một chỗ có thể nói. Huyền tướng và thật tướng cả hai đều không. Ở đây Phật phủ định luôn cả việc ngài có thuyết pháp. Rốt ráo không còn chỗ để trụ.

Cuối cùng là Thời Pháp Hoa & Niết Bàn. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh được Phật thuyết trong 8 năm và Đại Bát Niết Bàn Kinh trong một ngày một đêm. Phẩm An Lạc Hạnh Thứ 14 trong Kinh Pháp Hoa, vô trụ cũng được Như Lai thuyết về “Hành xứ và thân cận xứ của Bồ tát” như sau, “*Văn Thù Sư Lợi! Thế nào gọi là chỗ "Hành-xứ" của đại Bồ-tát? Nếu vị đại Bồ-tát an trụ trong nhĩn-nhục hòa-dịu khéo thuận mà không vụt-chạc lòng cũng chẳng kinh sợ, lại ở nơi pháp không phân-biệt mà quán*

tướng như thực của các pháp cũng chẳng vin theo, chẳng phân-biệt, đó gọi là chỗ "hành-xứ" của Bồ-tát." (tr.291). Lại nữa, vị đại Bồ-tát quán sát "*Nhất thiết pháp không như thật tướng" chẳng điên-đảo, chẳng động, chẳng thối, chẳng chuyển, như hư-không, không có thật-tính, tất cả lời nói phô dít, chẳng sinh, chẳng xuất, chẳng khởi, không danh, không tướng, thực không chỗ có, không lường, không ngăn, không ngại, không chướng, chỉ do nhân-duyên mà có, từ điên-đảo mà sinh cho nên nói, thường ưa quán-sát pháp-tướng như thế đó gọi là "chỗ thân-cận" thứ hai của vị Đại Bồ-tát* (tr. 293).

Trong khi đó ở Phẩm Như Lai Tánh, Đại Bát Niết Bàn Kinh, Thế Tôn chỉ rõ trong thân ngũ âm giả tạm của mỗi chúng sanh đều có Phật Tánh. Vô trụ, hay tánh vốn không hai, một lần nữa Đức Phật chỉ dạy rõ ràng cụ thể như, "*Nếu nói vô minh làm nhơn duyên mà có các hành pháp, người phạm phu liền phân biệt tưởng rằng có hai pháp: 'Minh' đến 'Vô Minh'. Người trí rõ biết tánh đó vốn không hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh*". (Tr.259, Đại Bát Niết Bàn Kinh, Tập I, Phẩm Như Lai Tánh Thứ XII).

Qua năm thời giáo Pháp từ Pali tạng cho đến Hán tạng, Đức Phật đều thuyết pháp vô trụ, không chấp một pháp nào, tất cả pháp đều bình đẳng không hơn, không kém. Vì rõ biết tất cả pháp đều do nhân duyên, từ điên đảo mà ra, rời tất cả các tướng trạng, thì thử hỏi phiền não có thể dung được sao?

Như vậy, các hành giả phát tâm Bồ đề làm Phật sự ở thế gian trong đời ngũ trược ác thế này nên để tâm vô trụ, nhất là khi làm từ thiện. Do lòng từ, Bồ tát thông cảm, thương xót, và hoan hỷ chia sẻ tình thương bằng những hành động thiết thực, nhằm làm vui đi nỗi bi sầu của hữu tình mà không phân biệt thân sơ, giàu nghèo, danh phận; không vì tài lợi, không vì phước báu; và cũng không tự hào hay kiêu mạn về những việc thiện đã làm, như lời Phật dạy trước khi tịch trong Kinh Đại Bát Niết Bàn:

“Bồ tát nếu chẳng thấy được chúng sanh nghèo cùng thời không duyên để sanh lòng từ. Nếu lòng từ chẳng sanh thời không thể khởi tâm HUỆ THÍ. Do nhưn duyên HUỆ THÍ làm cho chúng sanh đặng an vui, ban cho những đồ uống ăn, xe cộ, y phục, hoa hương, giường ghế, nhà cửa đèn đuốc. Lúc ban cho như vậy lòng cõi mở chẳng sanh niệm tham đắm, quyết định hồi hướng

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc đó tâm của Bồ tát không dừng chỗ nào, dứt hẳn vọng tưởng, chẳng kẹt nói sự sợ sệt, danh dự, tài lợi, chẳng cầu quả báo vui sướng cõi trời, cõi người, chẳng kiêu mạn, chẳng trông người trả ơn, chẳng vì phỉnh người mà làm việc bố thí, chẳng cầu giàu sang phàm lúc làm việc bố thí, chẳng thấy người thọ là tri giới hay phá giới, là phước điền hay chẳng là phước điền, là tri thức hay chẳng phải tri thức. Lúc bố thí cũng chẳng thấy là căn khí hay chẳng căn khí, chẳng lựa ngày giờ, chẳng chọn chỗ nơi cũng chẳng tính được mùa hay đói kém, chẳng thấy nhơn quả, chẳng phân biệt chúng sanh hay chẳng phải chúng sanh, là phước hay chẳng là phước” (trtr.509-510).

Bồ tát ở trong chốn Ta-bà rối rắm này thực hành thiện sự vì chúng hữu tình không để tâm trụ pháp nào. Điều này được Thế Tôn thuyết giảng cho Ngài Tu Bồ Đề trong Kinh Kim Cang như sau:

Tu Bồ Đề! Nếu tâm Bồ tát trụ chấp ở pháp làm việc bố thí, như đi vào hang tối, không thấy được gì. Nếu Bồ tát tâm không trụ chấp ở pháp mà làm việc bố thí, như người sáng mắt đi dưới ánh mặt trời, vạn vật đều thấy rõ hết (tr.55).

Tuy nhiên, để tâm vô trụ trong việc hành bố thí là không phải chuyện dễ dàng, một sớm một chiều là có thể làm được, mà là cả một tiến trình hành thiện lâu dài trong khi đó hành giả phải luôn quán niệm các pháp đều như huyễn, không có thật tướng, vô ngã, để tâm rộng rang cho đến thuần thục. Đây có thể nói là cả lộ trình thâm nhập chuyển hóa thành tam nhãn, như đã được Như Lai xác quyết trong Kinh Kim Cang với Ngài Tu Bồ Đề:

Tu Bồ Đề! Như Lai nói cho Thầy biết. Nếu có thiện nam, tín nữ nào biết tất cả pháp vô ngã, và thâm nhập chuyển hóa thành tiến trình tam nhãn, thì phước đức người này nhiều hơn phước đức của Bồ Tát bố thí vật chất đầy cả tam thiên đại thiện thế giới.”

Lộ trình thuần thục để tâm không trụ chấp ở pháp nào được Ngài Duy Ma Cật dạy trong phẩm Quán Chúng Sanh như sau:

Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi: Sự sanh tử đáng sợ, Bồ Tát phải y nơi đâu?

Ngài Duy Ma Cật đáp: Bồ Tát ở nơi sanh tử đáng sợ đó, phải y nơi công đức của Như Lai.

Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi: Bồ tát muốn y sức công đức của Như Lai, phải trụ nơi đâu?

- *Bồ tát muốn y sức công đức của Như Lai, phải trụ nơi độ thoát tất cả chúng sanh.*

Lại hỏi:

- *Muốn độ chúng sinh phải trừ những gì?*
- *Muốn độ chúng sanh phải trừ phiền não.*
- *Muốn trừ phiền não phải thật hành những gì?*
- *Phải thật hành chánh niệm.*
- *Thế nào là thật hành chánh niệm?*
- *Phải thật hành pháp không sanh không diệt*
- *Pháp gì không sanh, pháp gì không diệt?*
- ***Pháp bất thiện không sanh, pháp thiện không diệt***
- *Pháp thiện và pháp bất thiện lấy gì làm gốc?*
- *Thân là gốc.*
- *Thân lấy gì làm gốc?*
- *Tham dục là gốc.*
- *Tham dục lấy gì làm gốc?*
- *Hư vọng phân biệt là gốc.*
- *Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?*

- *Tường điên đảo làm gốc?*
- *Tường điên đảo lấy gì làm gốc?*
- ***Không trụ là gốc.***
- *Không trụ lấy gì làm gốc?*
- ***Không trụ thì không gốc.***
- *Thưa Ngài Ngài Văn Thù Sư Lợi, ở nơi gốc không trụ mà lập tất cả pháp (Trtr.97-98).*

Qua đoạn kinh văn này, người hành Bồ tát đạo muốn trừ phiền não trước hết phải tu các thiện pháp và xa lìa pháp bất thiện, dần đến không còn một pháp nào có thể trụ, có thể được.

Lộ trình này cũng đã được thể hiện rõ ràng và cô đọng trong bốn câu kệ mà chư Phật ba đời đều thuyết

Tránh làm các điều ác,

Tu tập các việc lành

Giữ tâm ý thanh tịnh

Là lời dạy của chư Phật."

Vì vậy khi thực hành thiện sự ở thế giới hiện đại phức tạp như ngày nay, hành giả phải tập không sinh tâm chấp thủ vào việc làm lành của mình hay bất kể pháp nào mà

luôn tác ý tư duy: do duyên mà làm, đủ nhân duyên là sinh, hết duyên là tan, tất cả đều huyễn hoặc, không có thật tướng. Luôn quán niệm như vậy đến một ngày thành thực, tâm ý hành giả thanh tịnh, không chấp thiện, chấp ác, đạt đến chỗ vô trụ, niết bàn.

Tài liệu tham khảo

1. Youtube: <https://www.youtube.com/watch?v=Jk-ebTNx1pk&t=31s>
2. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, quyển 5, Phẩm An Lạc Hạnh Thứ 14 (2009, PL 2553). India: Việt Nam Quốc Tự. Bồ Đề Đạo Tràng.
3. Duy Ma Cát Sở Thuyết Kinh (2002, PL2546). Thích Huệ Hưng. Minh Đăng. Queensland: Brisbane.
4. Đại Bát Niết Bàn, Tập I, Phẩm Như Lai Tánh (1999, PL2543). Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch, Nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh.
5. Đại Bát Niết Bàn, Tập I, Phẩm Phạm Hạnh (1999, PL2543). Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch, Nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh.
6. Hoa Nghiêm Kinh. Tập II. XXI Phẩm Thập Hạnh (1984, PL2527). Hòa Thượng Thích Trí Tịnh. Phật Học Viện Quốc Tế.

7. Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh (2013). Pháp sư Từ Thông. Giáo án cao đẳng Phật học: Trục chi đề cương. Nhà xuất bản Tôn Giáo.
8. Tiểu Bộ Kinh. Kinh Phật Tự Thuyết Udena. Chương sáu. Phạm Sanh ra đã mù. Phần X (Ud 79). Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch. [Online] Available <http://www.budsas.org/uni/u-kinh-tieubol/tb13-ptt3.htm>

Index

1. Tạp chí Nghiên cứu Phật học (số 5, 2017), Đề tâm vô trụ khi làm từ thiện, Cơ quan ngôn luận của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
2. Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: <http://vncphathoc.com/nghien-cuu/phet-giao-phet-trien/de-tam-vo-tru-khi-lam-tu-thien.html>
3. Trang Nhà Quảng Đức. quangduc.com <https://quangduc.com/a60979/de-tam-vo-tru-khi-lam-tu-thien>
4. Thư viện hoa sen <https://thuvienhoasen.org/a28333/de-tam-vo-tru-khi-lam-tu-thien>
5. Phatgiao.org.vn <http://phatgiao.org.vn/nghien-cuu/201708/de-tam-Vo-Tru-khi-lam-tu-thien-27913/>

6. Đạo phật ngày nay
<http://www.daophatngaynay.com/vn/tin-tuc/trong-nuoc/24661-de-tam-vo-tru-khi-lam-tu-thien.html>
7. Văn Hóa Phật Giáo. Hoavouu.com
<https://hoavouu.com/p42a43530/de-tam-vo-tru-khi-lam-tu-thien>
8. Phật Pháp Ứng Dụng. Tuvientuongvan.com.vn
<http://tuvientuongvan.com.vn/ung-dung/de-tam-vo-tru-khi-lam-tu-thien-p864.html>
9. Chùa A Di Đà. Chuaadida.com
<http://chuaadida.com/chi-tiet-de-tam-vo-tru-khi-lam-tu-thien-9116.html>
10. Câu Lạc Bộ Văn Hóa Rigpa UNESCO
<http://vietrigpaunesco.org/2017/08/07/de-tam-vo-tru-khi-lam-tu-thien/>
11. Người Phật Tử. nguoihattu.com
<http://nguoihattu.com/phat-phap/doi-song/11405-de-tam-vo-tru-khi-lam-tu-thien.html>
12. Và nhiều trang Phật giáo khác...

MƯỜI MỘT CỬA GIẢI THOÁT

Tâm Tịnh cần tập

(PHẬT GIÁO - phatgiao.org: Cơ Quan Ngôn Luận của Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam)

Đức Phật ra đời vì hạnh phúc chư thiên và loài người. Sau 45 năm thuyết pháp độ sinh, Ngài để lại cho thế gian một kho tàng giáo pháp đồ sộ quý báu, mang lại hạnh phúc, an lạc, giải thoát, niết bàn cho nhân loại. Đức Phật chỉ ra nhiều con đường đi đến giải thoát, niết bàn ví như muôn sông cùng đổ về đại dương. Có thể nói 84.000 pháp môn là 84.000 con đường xuôi về, hướng về, dẫn đến niết bàn. Tuy nhiên, bài kết tập này tập trung khai thác 11 con đường giải thoát từ trong kinh tạng Nikaya (Pali) ngõ hầu làm sáng tỏ những lời dạy của Thế Tôn về các pháp mà bất kể ai hân hoan kiên tâm hành trì, thì tâm chưa được giải thoát, thì sẽ được giải thoát, các lậu hoặc chưa được đoạn trừ sẽ được đoạn trừ. Qua đó quý đạo hữu có thể chọn cho mình pháp hành phù hợp với bản thân nhằm giúp chuyển hóa nỗi khổ và niềm đau đưa đến an lạc, hạnh phúc, giải thoát niết bàn.

1. Tứ Vô Lượng Tâm

1.1 Bốn Cứu Giải Thoát

Nhân duyên Gia chủ Dasama, người ở thành Atthaka hỏi Tôn giả Ananda về pháp độc nhất do Thế Tôn thuyết giảng qua đó những ai nhiệt tâm tinh cần sống hành trì trong pháp ấy thì sẽ được an ổn mọi khổ ách, giải thoát, niết bàn. Ngài Ananda không những chỉ ra một pháp bất tử mà cả 11 pháp bất tử trong đó tứ vô lượng tâm là bốn pháp bất tử như trong Kinh Bát Thành số 52 của Trung Bộ Kinh như sau:

Bạch Tôn giả Ananda, có pháp độc nhất gì do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, nếu có Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, hay các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, hay pháp an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt?

Này Gia chủ, Tỷ-kheo an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng

khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư và được biết: "Từ tâm giải thoát này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phạm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy do vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khởi phôi trở lui đời này. Đây Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... Với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả; cũng vậy phương thứ hai,

cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hạn, không sân. Vị ấy suy tư và được biết: "Xả tâm giải thoát này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự việc gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thì sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Đây Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thì tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt.

(Trung Bộ Kinh- 52 Kinh Bát thành)

Như vậy qua đoạn kinh văn trên, trong tứ vô lượng tâm, hành giả nào thành tựu viên mãn chỉ một tâm và từ đây nhận biết đây là pháp hữu vi, nên pháp này vô thường, chịu sự đoạn diệt. Khi hành giả quán tánh vô thường, quán tánh ly tham, quán tánh đoạn diệt của pháp này, và vững trú ở đây theo Thế Tôn thì sẽ đoạn trừ các lậu hoặc, được giải thoát. Tương tự với ba tâm còn lại tâm bi, tâm hỷ và tâm xả.

1.2 Viên Mãn Tứ Vô Lượng Tâm

Hành giả nào chánh niệm, tinh thức, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp tâm từ quảng đại viên mãn thì sân không còn ngự trị trong tâm, thoát sân tâm tức là Từ Tâm Giải Thoát. Tâm Bi viên mãn thì hại tâm không còn ngự trị, tức là Bi Tâm Giải Thoát. Tâm hỷ viên mãn thì bất lạc không còn ngự trị trong tâm, tức là Hỷ Tâm Giải Thoát. Tâm Xả viên mãn thì tham tâm không còn ngự trị, tức là Xả Tâm Giải Thoát. Bốn Tâm Giải Thoát này được Đức Phật thuyết giảng trong Tăng Chi Bộ Kinh như sau:

1. - Nay các Tỷ-kheo, có sáu pháp xuất ly giới này. Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, sân tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Này Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Ai tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, sân tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện như vậy không xảy ra, này Hiền giả, cái này có khả năng giải thoát sân tâm, tức là từ tâm giải thoát".

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập, bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, hại tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Này Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Ai tu tập bi tâm giải thoát, làm

cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, hại tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện không xảy ra như vậy. Nay Hiền giả, cái này có khả năng giải thoát hại tâm, tức là bi tâm giải thoát".

4. Nay các Tỷ-kheo, ở đây vị Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, bất lạc tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy. Hiền giả chớ nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, bất lạc tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện không xảy ra như vậy. Nay Hiền giả, cái này có khả năng giải thoát bất lạc tâm, tức là hỷ tâm giải thoát".

5. Nay các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ

xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, tham tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần được nói: "Chớ có như vậy, Hiền giả chớ nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, tham tâm vẫn ngự trị an trú; sự kiện không xảy ra như vậy. Nay Hiền giả, cái này có khả năng giải thoát tham tâm, tức là xả tâm giải thoát".

(Tăng Chi Bộ Kinh, Chương: Sáu Pháp, Phẩm: Cần Phải Nhớ)

1.3 Sự Thù Thắng của Tứ Vô Lượng Tâm Giải Thoát

Những đệ tử nào của Như Lai tu Tâm Từ Giải Thoát viên mãn cho dầu biết từ tâm giải thoát này là pháp hữu vi, là vô thường, chịu sự đoạn diệt, nhưng vẫn hoan hỷ pháp này, tham luyện pháp này, vị ấy sẽ đoạn được năm hạ phần kiết sử, và sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với cõi trời Phạm Chúng, và ở đây sau khi

hưởng thọ mạng một kiếp sẽ đắc A La Hán Quả và nhập niết bàn tại đây, không thối thui trở lại đời này. Trong khi đó, những người ngoại đạo tu tâm từ viên mãn cũng được tái sinh vào cõi Phạm Chúng Thiên và sau khi hưởng trọn một kiếp tại đây “kẻ phàm phu” này sẽ có thể tái sinh vào địa ngục, ngạ quỷ hay bàng sanh.

Tương tự đệ tử của như lai tu Tâm Bi Giải Thoát viên mãn cho dầu biết bi tâm giải thoát này là pháp hữu vi, vô thường, chịu sự đoạn diệt, nhưng vẫn hoan hỷ và tham luyến pháp này thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ hóa sanh vào Quang Âm Thiên và sau khi sống trọn 2 kiếp sẽ nhập niết bàn tại đó, không quay trở lại đời này. Trong khi đó, người ngoại đạo tu tâm bi viên mãn cũng sẽ tái sinh vào Quang Âm Thiên nhưng sẽ có thể tái sinh vào tam ác đạo sau khi hưởng trọn hai kiếp tại cảnh giới này.

Với Tâm Hỷ và Tâm Xả Giải Thoát viên mãn cũng vậy nhưng cảnh giới cao hơn và tuổi thọ và kiếp sống nhiều hơn. Thù thắng ở chỗ đệ tử của Như Lai sẽ đắc niết bàn tại lạc cảnh này trong khi đó ngoại đạo phàm phu có thể thối lui và có thể tái sinh vào tam ác đạo. Sau đây lời dạy của Thế Tôn về sự thù thắng của Tứ Vô Lượng Tâm Giải Thoát của các đệ tử Phật.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người với tâm, cùng khởi với từ, biến mãn một phương rồi an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm cùng khởi với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy ném được vị ngọt của Thiên ấy, ái luyến Thiên ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiên ấy, không có thoái đọa; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Phạm chúng Thiên. Một kiếp, này các Tỷ kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở cõi Phạm chúng Thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý. Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết vẹn tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa

Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

2. *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người với tâm cùng khởi với bi ... với tâm cùng khởi với hỷ ... với tâm cùng khởi với xả, biến mãn một phương rồi an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm cùng khởi với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiên ấy, ái luyến Thiên ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiên ấy, không có thoái đọa; khi thân hoại mạng chung, **được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Quang âm Thiên. Hai kiếp**, này các Tỷ-kheo, là thọ mạng của các chư Thiên ở Quang âm Thiên ... **được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Biến tịnh Thiên. Bốn kiếp**, này các Tỷ kheo là thọ mạng của chư Thiên ở cõi Biến Tịnh Thiên ... **được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Quảng quả Thiên. Năm kiếp**, này các Tỷ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở cõi Quảng quả Thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến*

hết tuổi thọ của chư Thiên ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý. Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

(Tăng Chi Bộ, Chương Bốn Pháp, Phẩm XIII. Sự Hải)

2. Bốn Thiên Hiện Tại Lạc Trú

Bốn thiên hiện tại lạc trú từ sơ thiên đến tứ thiên là bốn cửa giải thoát. Hành giả nào đắc một trong bốn thiên hiện tại lạc trú này, suy tư và được biết. Thiên này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, nên là vô thường, chịu sự đoạn diệt. Nếu hành giả này vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập

Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Đoạn trích từ Kinh Bát thành, Trung Bộ Kinh sau đây chỉ cho chúng ta thấy rõ điều này.

Bạch Tôn giả Ananda, pháp độc nhất ấy là gì, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác tuyên bố, nếu có Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt?

-- Ở đây, này Gia chủ, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Vị ấy suy tư và được biết: "Sơ Thiên này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải

trở lui đời này. Nay Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, nên Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt.

Lại nữa, này Gia chủ, vị Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm, vị ấy suy tư và được biết: "Thiền thứ hai này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Nay Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp

ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiên thứ ba. Vị ấy suy tư và được biết: "Thiên thứ ba này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phạm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phân kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiên thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy suy tư và được biết: "Thiên thứ tư này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành thì sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thì tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt.

(Trung Bộ Kinh- 52 Kinh Bát thành)

3. Tam Thiên Tịch Tịnh Trú

Ba cửa giải thoát nữa là tam thiên tịch tịnh trú gồm: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ và Vô Sở Hữu Xứ ngoại trừ Phi Phi Tướng Xứ, có lẽ vì tầng thiên này là do vô tướng tâm định nên khó có thể quán tánh vô thường, quán tánh ly tham, quán tánh đoạn diệt của pháp hữu vi này nên Ngài Ananda không đề cập đến.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Vị này suy tư và được biết: "Không vô biên xứ định này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phạm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-kheo nào

không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Vị này suy tư và được biết: "Thức vô biên xứ định này là pháp hữu vi do suy tư tác thành. Phạm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phân kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Vị này suy tư và được biết: "Vô sở hữu xứ định này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành thì sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-kheo nào, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thì tâm vị ấy chưa giải thoát, được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt.

(Trung Bộ Kinh- 52 Kinh Bát thành)

4. Kết Luận

Bài kết tập này xin nhường lời lại cho Gia chủ Dasama, ở thành Atthaka, người đã thọ nhận và hoan hỷ những pháp môn bất tử từ Ngài Ananda trong bài kinh số 52 Kinh Bát thành của Trung Bộ Kinh như sau:

Bạch Tôn giả Ananda, như người tìm một kho tàng cất giấu, trong một lúc tìm được mười một kho tàng cất giấu. Cũng vậy, bạch Tôn giả, con đi tìm một pháp môn bất tử mà được nghe một lần mười một pháp môn bất tử. Bạch Tôn giả, như ngôi nhà người ta có đến mười một cửa, khi ngôi nhà bị cháy, thì chỉ do một cửa người ta cũng có thể thoát ra một cách an toàn.

Youtube:

<https://www.youtube.com/watch?v=qc35dJYgmoM&t=147s>

5. Nguồn Tham Khảo

1. Trung Bộ Kinh (HT Thích Minh Châu dịch). 52. Kinh Bát thành. [Online] từ link sau <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-trungbo/trung52.htm>
2. Tăng Chi Bộ Kinh (HT Thích Minh Châu dịch). Chương Bốn Pháp, Phẩm XIII. Sợ Hải. [Online] từ link sau <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tangchibo/tangchi04-1318.htm>
3. Tăng Chi Bộ Kinh (HT Thích Minh Châu dịch). Chương Sáu Pháp, Phẩm Cần Phải Nhớ. [Online] từ link sau <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tangchibo/tangchi06-0103.htm>

TỰ TẠI GIỮA CÓ VÀ KHÔNG

Tâm Tịnh cần tập
(Tập Chí Nghiên Cứu Phật Học số tháng 9/2018)

Làm sao có thể sống hạnh phúc trong thế giới đầy ngã chấp như hiện nay? Để được như vậy, chúng ta bớt chấp. Khi chúng ta bớt chấp, chúng ta bớt phiền muộn, bớt đau khổ. Khi chúng ta không còn chấp, thì chúng ta được tự tại, giải thoát, lúc đó niết bàn ‘hiện ra’. Vấn đề không chấp thủ rất phức tạp từ thô đến vi tế và thậm chí đến mức độ vi tế thì không từ ngữ nào có thể diễn đạt được. Vì thế, bài luận chỉ tập trung việc không chấp thủ ở mức độ tương đối bằng cách làm sáng tỏ luận cứ tự tại giữa ‘có’ và ‘không’ trong thế giới hiện hữu này.

KHÔNG QUẢ

Tâm người đời buồn vui theo cảnh
Lúc tươi cười lúc thì buồn lo
Quả thiện đến lòng như trảy hội
Rồi lại phiền khi nghiệp xấu ra
Không hề biết khi hồn đã thiện
Việc gì đến không còn vấn vương!

Nhân duyên viết bài này là do một thân hữu tâm tình với anh em tình thân: ***“Phật Giáo Nguyên Thủy cho rằng vì ngũ uẩn giai không, tức là không có gì, nên chết là hết, và không có thần thánh, ma quỷ gì cả...”***

Chúng ta đang sống trong thế giới hiện hữu vật chất nên Tâm Tịnh xin trò chuyện với anh em vấn đề này trong thế giới hiện tại để mọi người đều có thể cảm nhận được.

Thật ra ‘có’ và ‘không’ cả hai đều không: không ở đây là không chấp thủ cái ‘có’ và không chấp thủ cái ‘không’ để mình ít phiền não và được hạnh phúc hơn. Nói một cách khác, ngũ uẩn giai không ở đây có nghĩa là không chấp chặt cái ‘không’ và cũng chấp chặt cái ‘có’. Từ đó chúng ta hết khổ, thông dong tự tại trong cuộc sống đầy biến động như hiện nay. Để dễ hiểu, Tâm Tịnh xin đưa ra hai câu chuyện sau:

Câu chuyện thứ nhất: chấp ‘có’ và không chấp ‘có’, tức là tự tại và thông dong với cái ‘có’ (có một cô gái Huế xinh đẹp):

Có hai anh chàng nghèo xứ Quảng ra Huế thi đại học và mang theo hoài bão: cố gắng thi đỗ đại học và sau khi tốt nghiệp có một việc làm tốt để giúp gia đình thoát cảnh

nghèo khổ. Thế nhưng, một trong hai sĩ tử bị choáng ngợp trước vẻ đẹp kiều diễm và giọng nói êm dịu của cô gái Huế như hai câu thơ sau:

Học trò xứ Quảng ra thi
Thấy cô gái Huế chân đi không đành

Anh chàng bị cái đẹp ‘một hai nghiêng nước nghiêng thành’ hớp hồn nên đêm về tương tư không ngủ được. Sáng hôm sau mệt mỏi thức dậy đi thi, nhưng vì quá mệt do tương tư nên anh chàng không làm bài được. Kết quả anh chàng bị rớt đại học. Lòng trở nên ê chề, u sầu, xanh xao, gầy mòn khiến mọi người trong gia đình và người thân lo âu. Do chấp thủ sắc đẹp cô gái Huế hay nói một cách khác do chạy theo cái đẹp của cô gái Huế mà đã gây ra phiền não cho bản thân và gia đình.

Trong khi đó, anh chàng sĩ tử kia thấy cô gái Huế bình thương như bao cô gái khác:

Học trò xứ Quảng ra thi
Thấy cô gái Huế như bao gái Làng
(trong nghĩa làng xóm)

Anh ta không bị cái đẹp ‘chim sa cá lặn’ của cô gái Huế làm cho điên đảo mà chỉ lo chú tâm vào mục tiêu hiện tại. Kết quả anh chàng làm bài tốt và đỗ vào Đại Học như mong ước, mang lại niềm vui cho mình, cho gia đình và người thân. Có thể nói, anh chàng sĩ tử thứ hai thông dong tự tại với cái có (cô gái huế), không bị sắc đẹp của cô gái Huế tác động vào tâm thức, không làm tâm chao động, vì thế được an vui, hạnh phúc không như anh chàng sĩ tử thứ nhất bi đau khổ do tâm bị chao động vì chấp thủ. Nói một cách khác, do thông dong tự tại với cái có (có cô gái Huế như bao gái Làng), nên không bị chao động. Ở chừng mực nào đó có thể ví lúc này ngũ uẩn thật sự giai không đối với sĩ tử thứ hai. (không chấp Sắc (cô gái Huế), thì Thọ, Tưởng, Hành và Thức đều rơi rụng, tức là ngũ uẩn giai không: *“do chấp thủ không quấy rối vì ấy, vì ấy tự chứng niết bàn.”* (Trung Bộ Kinh: Majjhima Nikaya 140. Kinh Giới phân biệt - Dhātuvibhanga sutta).

Câu chuyện thứ hai: Tự tại thông dong với cái không

Vào năm 2016, Anh Tâm hẹn gặp nhân viên của một công ty A mang dàn vi tính tặng cho Lớp Học Tình Thương Ông Bà Tư tại Suối Tiên vào lúc 8 sáng Chủ Nhật. Anh Tâm đến đó sớm hơn một chút như đã hẹn nhưng đến 9 giờ vẫn chưa thấy nhân viên của công ty A đến. Anh Tâm gọi điện cho ông chủ và được ông chủ hứa sẽ cho nhân viên chở dàn vi tính đến ngay. Anh Tâm không quên nhắc nhở: “Hiền ơi, nhớ bảo nhân viên đừng chạy xe vội và chạy xe cẩn thận nhé Hiền.” Thế mà, đến 12.30 pm, nhân viên mới xuất hiện cùng với dàn vi tính dưới cái nắng nóng oi bức lúc giữa trưa của Sài Gòn. Anh Tâm không hề quan tâm đến việc đến trễ của nhân viên mà lại rất hoan hỷ và thật sự biết ơn nhân viên này vì không quản đường xa và thời tiết oi bức đã chở một dàn vi tính (5 máy) từ Quận Bình Thạnh đến tận Suối Tiên.

Nhân viên không đến trong vòng bốn tiếng rưỡi ‘đợi chờ’, nhưng Anh Tâm không bực mình mà ngược lại còn quan tâm đến sự an toàn và lòng đầy biết ơn khi nhân viên mang theo dàn vi tính dưới cái nắng oi bức giữa trưa của Sài Gòn vào tháng Bảy. Trong khoảng thời gian

ấy, Anh Tâm để tâm ‘hiện tại lạc trú’ vào dự án nghiên cứu Lớp Học Tình Thương ở Sài Gòn. Rồi thi thoảng, Anh Tâm an trú tâm vào cảnh vật xung quanh, một kiệt tác sống động trải ra trước mắt. Ôi đẹp quá, lòng đầy hân hoan. Tất cả đều được Anh Tâm nhận biết rất rõ ràng. An trú tâm vào đối tượng nhưng không chấp chặt vào đó, để lòng thanh thản với tất cả. Trong trường hợp này, Anh Tâm đã tự tại thông dong với cái việc nhân viên KHÔNG đến (trong khoảng thời gian 4 tiếng rưỡi), tức là không có khái niệm chờ đợi vì thế ngũ uẩn giai không đối với Anh Tâm. Vì tâm không bị khuấy rối nên thọ, tưởng, hành, thức đều bị rơi rụng ngay trước mắt về việc KHÔNG đến của nhân viên và về việc đợi chờ của bản thân.

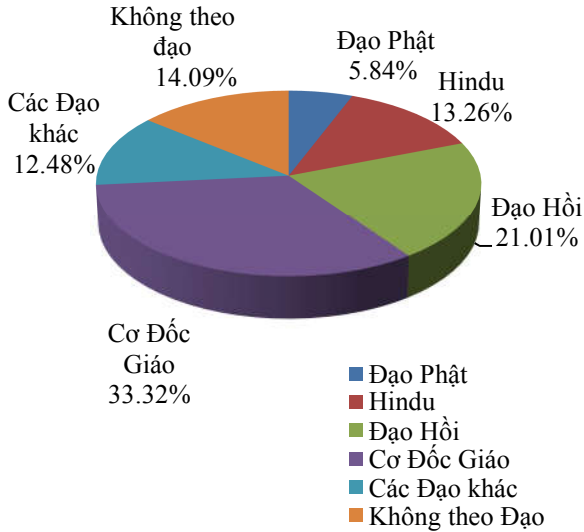
ĐỢI CHỜ

Bốn tiếng đồng hồ tôi đợi chờ
Từ tám giờ sáng đến giữa trưa
Nhân viên Hà Đông vẫn chưa đến
Mang dần vi tính tặng trẻ thơ
Nắng vàng lan toả khắp mặt đường
Soi bóng hàng cây lá xanh tươi
Thơ thần xe cộ người qua lại
Phong cảnh tuyệt trần giữa thế gian!

Trở lại vấn đề có thần thánh, ma quỷ hay không có thần thánh, ma quỷ. Việc có hay không có thần thánh không thành vấn đề [“to be or not to be is not a question”]. Có hay không sẽ trở thành vấn đề phiền não khi hai bên chấp chặt và bảo thủ quan kiến của mình. Đó là nguyên nhân dẫn đến bất hòa giữa các cá nhân, từ gia đình, tập thể cho đến quốc gia. Gia đình bất hòa, thế giới đảo điên, xung đột, chiến tranh khắp đó đây vì cố chấp mà ra. Để chung sống hạnh phúc, chúng ta hãy bao dung với nhau, tôn trọng lẫn nhau và đừng để quan điểm ‘có’, ‘không’ làm mất hòa khí, gây sân hận và phiền toái. Làm được như vậy có thể nói là ngũ uẩn giai không rồi đó vậy.

Tâm Tịnh xin lấy số liệu thống kê của CIA trong quyển *World Fact Book* (năm 2010) về số lượng người trên thế giới có tôn giáo (có thần thánh chiếm 85.91%) và số lượng vô thần (14.09%) để anh em tham khảo:

Tỷ Lệ Tôn Giáo Thế Giới



Vấn đề cuối cùng là Phật Giáo Nguyên Thủy có thuyết về thần thánh hay không? Câu trả lời là có, vấn đề chư thiên, quỷ thần vv bàng bạc trong cả năm bộ kinh Nikàya của Phật giáo Nam truyền từ Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh và Tiểu Bộ Kinh. Nhất là trong tiểu bộ kinh ngoài hàng trăm câu chuyện trong tập Thiên Cung Sự và Nga Quỷ Sự, 547 câu chuyện tiền thân là những tư liệu để chúng ta nghiên cứu về vấn đề này.

Vài dòng tâm sự với anh em tình thân để mong anh em hiểu và thương, cùng chung sống bao dung, thông cảm và sẻ chia như tâm nguyện của anh em TỪ HÒA.

THƯƠNG

Thương là cho nhưng lòng không vẫn vương
Không danh lợi, không giận hờn oán trách
Thương tất cả thân sơ cùng kẻ oán
Không phân biệt cao thấp hay giàu nghèo
Thương là hiểu, thông cảm và sẻ chia
Dù có kẻ nào hại ta vẫn vậy
Vẫn là thương vô ngã tự nhiên hương.

TƯỜNG VÔ THƯỜNG, TƯỜNG VÔ NGÃ, THOÁT MỌI KHỔ ĐAU

Tâm Tịnh cần tập

(phatgiao.org, Cơ Quan Ngôn Luận của Trung Ương Giáo
Hội Phật Giáo Việt Nam & Thư Viện Hoa Sen)

Thế giới ngày nay đang trở nên điên đảo do loạn tưởng. Tưởng rằng kinh tế phát triển, đời sống người dân được ấm no, hạnh phúc khi chính phủ chủ trương cho phép người dân đốt rừng Amazon, lấy đất trồng cỏ nuôi gia súc. Nào ngờ, hàng chục ngàn hecta rừng bị tàn phá vì ‘lửa tham’ của con người, giết hại vô số hữu tình, tàn phá hệ sinh thái, gây ô nhiễm môi trường trên diện rộng, khiến cả thế giới quan ngại về hiện trạng nghiêm trọng của ‘lá phổi’ Trái Đất. Tưởng rằng những cuộc chạy đua vũ trang, những cuộc thử nghiệm tên lửa mang lại bình an cho đất nước, nào ngờ khiến dân tình sống trong cảnh đói nghèo, thế giới bất an, sống trong căn thẳng và nỗi sợ hãi thường trực của sự hủy diệt.... Về mặt cá nhân, tưởng đây là sắc thân của mình, tưởng rằng quan kiến của mình là đúng, là hợp lý, là ưu việt, bác bỏ luận điểm, hoặc không tôn trọng quan kiến của người khác,

cho nên xảy ra xung đột, đấu tranh khắp đó đây. Rõ ràng thế giới đang hỗn loạn vì ‘cái tướng’ sai lầm của các cá nhân. Chính vì tướng điên đảo này mà khiến hữu tình ngay trong kiếp này chịu nhiều khổ nạn mà vô lượng kiếp thay hình đổi dạng trong sáu nẻo luân hồi, nhất là tam ác đạo. Nhưng, không biết rằng tướng vô thường, tướng vô ngã, không có tự tánh. Ai thường quán tướng vô thường, tướng vô ngã, thì sẽ được giải thoát mọi ách nạn, niết bàn ngay trong hiện tại, như lời Phật dạy trong nhiều bài kinh của Nikàya và Hán tạng.

Trong Kinh Phật Tự Thuyết trong Tiểu Bộ Kinh Nikàya, Đức Phật dạy:

*Vô thường tướng cần phải tu tập để nhỏ lên **kiêu mạn: tôi là**. Nay Meghiya, với ai có tướng vô thường, tướng vô ngã được an trú. Với ai có tướng vô ngã, vị ấy đạt được sự nhỏ lên **kiêu mạn: tôi là**, Niết-bàn ngay trong hiện tại.*

(Nikàya, Tiểu Bộ Kinh, Kinh Phật tự thuyết, Chương 4, Phẩm Meghiya, (I) Udàna 34. ONLINE:

<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tieubo1/tb13-ptt2.htm>)

Lại nữa trong Tăng Nhất A-hàm, Thế Tôn cũng khuyến tấn chư tỳ kheo nên tu tướng vô thường, thì sẽ an ổn mọi khổ ách, giải thoát, niết bàn.

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nên tu tướng vô thường, nên quảng bá tướng vô thường. Đã tu tướng vô thường, quảng bá tướng vô thường thì đoạn ái dục giới, ái sắc giới, ái vô sắc giới, đoạn hết vô minh, đoạn hết kiêu mạn. Ví như đốt cháy cây cỏ, dẹp trừ sạch hết. Đây cũng vậy, nếu tu tướng vô thường thì đoạn trừ hết tất cả kiết sử. ...N như thế, các Tỳ-kheo! Hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập II, phẩm 31. Tăng thượng, VNCPHVN ấn hành, 1998, tr.189)

Tưởng rằng sắc thân này của mình, mắt, tai, miệng, lưỡi vv là của mình, nên chấp thủ sắc ‘pháp’, vì thế nên khổ đau muôn đời vạn kiếp. Bài kinh số 35 của Trung Bộ

Kinh, Thế Tôn dạy chư tỳ kheo tất cả sắc pháp cho đến thọ, tưởng, hành thức đều vô thường. Tất cả được quán như chơn như sau cái này không phải là tôi, cái này không phải của tôi, cái này không phải tự ngã của tôi, thì chúng được **vô chấp thủ giải thoát** như đoạn kinh văn sau:

Cho đến mức độ nào, này Tôn giả Gotama, Tỳ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, các mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được chánh trí giải thoát?

-- Ở đây, này Aggivessana, Tỳ-kheo đối với bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các sắc pháp, sau khi như thật quán sát với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", chúng được vô chấp thủ giải thoát. Đối với bất cứ thọ nào... bất cứ tưởng nào... bất cứ hành nào... đối với bất cứ thức nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các thức, sau khi như thật

quán sát với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", chứng được vô chấp thủ giải thoát. Cho đến mức độ này, này Aggivessana, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, các mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được chánh trí giải thoát.

(Kinh Trung Bộ, 35 Tiểu Kinh Saccaka- Hòa Thượng Thích Minh Châu)

Lại nữa, khổ đau cũng tưởng là của mình, nhưng đau ngò khổ đau không phải của mình vì an lạc và khổ đau, cả hai đều vô thường. Cảm thọ khổ đau ngay trước lúc bỏ thân mạng là một sự cảm thọ tốt cùng của thân mạng, do tưởng cái khổ này là của mình, nên chúng sanh phải sinh tử, tử sinh trong lục đạo. Đức Phật khai thị và hướng tâm cho các tỷ kheo hay cư sĩ trước lúc lâm chung cách đoạn thân kiến bằng cách chú tâm và rõ biết đang cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của sinh mạng, và để cho tất cả cảm thọ trở nên thanh lương, thì sẽ đoạn tất cả các lậu hoặc, và giải thoát, vô dư niết bàn như một trong

nhiều bài kinh Nikàya trong Tương Ưng Nhân Duyên như sau:

Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy biết: “Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân”. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy biết: “Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng”. Vị ấy biết: “Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây tất cả những cảm thọ không làm cho có hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lặng, cái thân được bỏ qua một bên”.

Này các Tỷ-kheo, ví như một người từ trong lò nung của người thợ gốm lấy ra một cái ghè nóng và đặt trên một khoảng đất bằng phẳng để sức nóng ở đáy được nguội dần, và các miếng sành vụn được gạt bỏ một bên. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy biết: “Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân”. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy biết: “Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng”. Vị ấy biết: “Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây tất cả những cảm thọ không làm

cho có hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lặng, cái thân được bỏ qua một bên.

(Tương Ưng Bộ, chương 12: tương ưng nhân duyên, vi: phẩm cây **63. Tư Lường**)

Rõ ràng nhất thiết pháp không như thật tướng, chỉ do nhân duyên mà có, tướng điên đảo mà sinh, như Phẩm 14 An Lạc Hạnh trong Kinh Pháp Hoa như sau:

Vị đại Bồ-tát quán sát "*Nhất-thiết, pháp không như thật tướng*" chẳng điên-đảo, chẳng động, chẳng thối, chẳng chuyển, như hư-không, không có thật-tính, tất cả lời nói phô dít, chẳng sinh, chẳng xuất, chẳng khởi, không danh, không tướng, thực không chỗ có, không lường, không ngăn, không ngại, không chướng, **chỉ do nhân-duyên mà có, từ điên-đảo mà sinh cho nên nói, thường ưa quán-sát pháp-tướng như thế đó gọi là "chỗ thân-cận"** thứ hai của vị Đại Bồ-tát.

(tr. 293: Kinh Pháp Hòa Hòa Thượng Thích Trí Tịnh).

Vì thế, nên thường tu tập quán tưởng vô thường, quán tưởng vô ngã, để đoạn tham ái, diệt trừ mọi gốc rễ phiền não, cứu cánh giải thoát.

TU HOA: <https://www.tuhoa-cicg.com/stories>

CHÂN KHÔNG DIỆU HỮU TỰ TẠI THÔNG DONG

Tâm Tịnh

(Tập Chí Văn Hóa Phật Giáo số 330_01/10/2019)

Mọi hiện tượng và sự vật trên thế gian và hoàn vũ này không bao giờ độc lập mà tồn tại, mà do nhân duyên hòa hợp tạo thành. Vì do nhân duyên hòa hợp nên vô thường, khổ và vô ngã. Những ai rõ biết tất cả các pháp là vô tự tánh không phân biệt chấp trước, thì lúc nào cũng thông dong tự tại. Đức Phật dạy: *Sự giải thoát ấy của vị này, an trú vào chân đế, không bị dao động. Đây Tỷ-kheo, cái gì có thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về hư vọng. Cái gì không thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về chân đế, Niết-bàn* (Trung Bộ Kinh: 140 Kinh Giới Phân Biệt, Hòa Thượng Thích Minh Châu).

Cái gì là hư vọng? Tất cả pháp đều là hư vọng, huyễn hoặc, không thật, chóng sanh, chóng diệt, do nhân duyên mà có, tướng điên đảo mà sanh. Nào ai tuệ tri như vậy và không sanh tâm chấp trước bất kể pháp nào, bất cứ cái gì ở trên đời, thì được giải thoát, niết bàn, chân không (chân đế). Nói một cách khác, hiện tượng vạn vật qua

tâm chân không thì sẽ thành diệu hữu, tức là thông dong tự tại trước sự biến đổi của hiện tượng vạn hữu trong trời đất bao la. Đức Phật nói với ngài Anan rằng “*Ta nhờ an trụ ở không, nay ta an trụ được rất nhiều*”. Như thế nào an trụ ở không? Khi cái này không có mặt, thì cái kia không có mặt, và ngược lại khi cái này có mặt thì cái kia có mặt; khi biết rõ vậy là không tánh, hoàn toàn thanh tịnh. Đoạn trích dẫn từ bài kinh số 121 Kinh Tiểu Không thuộc Trung Bộ Kinh giải thích rõ lý sự này:

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Pubbarama (Đông Viên), lâu đài của Migaramatu (Lộc Mẫu). Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

-- Một thời, bạch Thế Tôn, Thế Tôn trú giữa các Sakka (Thích-ca). Nagaraka là tên một thị trấn của các Sakka. Tại đấy, bạch Thế Tôn, con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được ghi nhớ trước mặt Thế Tôn như sau: "Này Ananda, Ta nhờ an trụ không, nên nay an trụ rất nhiều".

Phải chăng, bạch Thế Tôn, điều con đã nghe là nghe đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng?

-- Thật vậy, này Ananda, điều Ông đã nghe là nghe đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng. Thuở xưa và nay, này Ananda, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều.

Ví như lâu đài Lộc Mẫu này không có voi, bò, ngựa, ngựa cái, không có vàng và bạc, không có đàn bà, đàn ông tụ hội, và chỉ có một cái không phải không, tức là sự nhất trí (ekattam) do duyên chúng Tỷ-kheo; cũng vậy, này Ananda, Tỷ-kheo không tác ý thôn tưởng, không tác ý nhơn tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí, do duyên lâm tưởng. Tâm của vị ấy được thích thú hân hoan, an trú, hướng đến lâm tưởng. Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên thôn tưởng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên nhơn tưởng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên lâm tưởng". Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có thôn tưởng". Vị ấy tuệ tri: "Loại tưởng này không có nhơn tưởng". Và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí (ekattam) do duyên lâm tưởng". Và cái gì không có mặt

ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Như vậy, này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

(Trung Bộ Kinh, 121 Kinh Tiểu Không, Hòa Thượng

Thích Minh Châu. ONLINE:

<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-trungbo/trung121.htm>)

Rõ ràng không có ‘cái ta’, ‘cái tôi’, ‘cái của ta’, ‘cái của tôi’ trong tất cả các hiện tượng sự vật mà do duyên hợp, duyên tan, duyên sinh. Chân không là chân đế, niết bàn, tức là không trụ tâm vào bất kể điều gì (do duyên sanh), tức là hiện tượng và vạn vật lúc này là diệu hữu vậy: không xa lìa mà cũng không nắm giữ, tức là *chấp thủ không quấy rối vị ấy, vị ấy tự chứng niết bàn* (Trung Bộ Kinh, 140 Kinh Giới Phân Biệt, HT Thích Minh Châu).

Tương Ứng Uẩn số 81 Pàrileyya cho thấy những ai thấy ‘các hành’ là vô thường, hữu vi do duyên sanh, ‘thọ’ vô thường, hữu vi, do duyên sanh, ‘khát ái’ vô thường, hữu vi do duyên sanh... Do biết vậy, do thấy vậy (tức là diệu

hữu), các lậu hoặc được đoạn tận ngay lập tức, niết bàn, chân đế (chân không).

Này các Tỷ-kheo, pháp đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn niệm xứ đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn chánh cần đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn như ý túc đã được giải thích, thuyết giảng. Năm căn đã được giải thích, thuyết giảng. Năm lực đã được giải thích, thuyết giảng. Bảy bồ-đề phân đã được giải thích, thuyết giảng. Thánh đạo Tám ngành đã được giải thích, thuyết giảng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, pháp được Ta giải thích, thuyết giảng.

Dầu cho, này các Tỷ-kheo, các pháp được Ta giải thích, thuyết giảng như vậy, nhưng ở đây có Tỷ-kheo khởi lên suy nghĩ sau đây: “Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?”

Này các Tỷ-kheo, biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức? Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập

pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, sự quán như vậy là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phạm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Từ khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Thọ ấy ... xúc ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, do thấy vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

(Tương Ưng Bộ, Chương 22 Tương Ưng Uẩn, iii: Phẩm những gì được ăn. Hòa Thượng Thích Minh Châu. https://suttacentral.net/sn22.81/vi/minh_chau).

Đoạn kinh văn trên còn chứng tỏ rằng các lậu hoặc được đoạn tận ngay lập tức, không cần trải qua thời gian, không cần phải tu tập tứ niệm xứ, tứ thiên, 37 phẩm trợ đạo vv, mà chỉ cần rõ biết các hành là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, thì sẽ đoạn tận các lậu hoặc ngay lập tức, cứu cánh niết bàn.

Cho nên, hành giả thời này có thể thành tựu tuệ giải thoát (không có thân thông) qua pháp thuận quán: tất cả các pháp đều vô thường, khổ và vô ngã, không có tự tánh, rồi không sanh tâm chấp thủ bất kể pháp nào, sẽ đoạn tận các lậu hoặc, cứu cánh giải thoát ngay trong đời này. Khi không để tâm trụ ở bất kể pháp nào, thì tất cả hiện tượng vạn vật đều trở thành diệu hữu.

KỊCH

Đời vốn là vở kịch
Kịch sỹ là hữu tình
Nhiều vai diễn đổi thay
Lúc giận, lúc buồn, lúc vui, lúc cười
Lúc yêu, lúc ghét, lúc hờn, lúc ghen
Tất cả đều là kịch, không thật.
Biết kịch chớ có buồn
Biết kịch chớ có giận
Biết kịch chớ có tham
Biết kịch chớ có si
Vô Trụ, lia tất cả tướng
Không thủ cũng không xả
Như như của vạn pháp
Không đến cũng không đi
Mà đến khắp cùng chốn.

ĐOẠN NGHI NGỜ LÀ CHƠN GIẢI THOÁT

Tâm Tịnh cần tập

(Trang Quảng Đức - Quangduc.com & Đạo Phật Ngày Nay -
daophatngaynay.com)

Trong thời Đức Bồ Sư Thích Ca còn tại thế, nhất là thời giới luật chưa được chế định, 12 năm đầu tiên sau khi Ngài thành đạo, có nhiều tỷ kheo hay cư sĩ đã liễu ngộ, giải thoát, niết bàn chỉ ngay sau một thời thuyết pháp hay một bài kệ của Tôn Sư. Tại sao họ đặt gánh nặng xuống một cách dễ dàng như vậy? Bởi vì họ đã thấu hiểu tận gốc rễ (liễu ngộ) chân đế, tự tại giải thoát, tịch lặng thường trụ, chẳng động, chẳng khởi, chẳng sanh, chẳng diệt, không đến cũng không đi mà thường sáng soi. Khi họ thấu hiểu được vậy. Kể từ lúc đó, họ tín thọ và sống theo sự hiểu biết chơn chánh này. Họ luôn tuệ tri tất cả các pháp đều huyễn hoặc, vô tự tánh cho nên, họ không chấp thủ một pháp nào và thông dong tự tại trong tất cả các pháp.

Như Lai thuyết pháp làm cho khai thông, làm cho khai thị, làm cho tỏ ngộ chân đế, cho nên ai nghe và tín thọ liền, giải thoát ngay khi đã thấu rõ chân diệu pháp. Nói

một cách khác ai hân hoan nghe pháp vô ngã tướng, thấu hiểu tường tận, tín thọ chân ngôn, chân đế một cách rõ ràng, nhất tâm, không một chút phân vân, không một chút nghi ngờ, không còn trụ tâm ở bất kể chỗ nào, như vậy đồng nghĩa với niết bàn. Sau đây những bài kinh từ Hán tạng đến Pali Tạng cho thấy những hành giả nào (tại gia, xuất gia hay ngoại đạo) tín thọ (tín và nhận) pháp môn vô trụ sau khi nghe và thấu hiểu tường tận chân đế, thì họ được giải thoát.

Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp vô trụ cho Tu Bồ Đề và đại chúng nghe, cú nghĩa thâm sâu khó có ai sau khi Phật nhập diệt 500 năm có thể tin nhận. Đoạn kinh văn sau đây cho thấy những hành giả nào không còn chấp vào bốn tướng: chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng sanh, chấp thọ giả và không còn ý niệm chấp pháp này là đúng, pháp kia không đúng, thì họ mới tin nổi diệu pháp thâm sâu này của Thế Tôn. Nói một cách khác, khi họ tín thọ tức là họ thấu hiểu tường tận chân đế, và họ không còn chấp vào tứ tướng, và họ tự tại thông dong và giải thoát:

Bạch Thế Tôn! Cú nghĩa Như Lai vừa dạy quá cao sâu. Biết đâu chung sanh đời sau họ không đủ sức tiếp thu và tin nhận thì sau?

Phật dạy:

Tu Bồ Đề! Thầy chớ lo điều đó. Sau khi Như Lai diệt độ, một trăm, hai trăm, ba, bốn, năm trăm năm về sau vẫn có người nghe hiểu và tiếp thu tốt, thậm chí rất tốt!

Nhưng này, Như Lai nói cho thầy biết: Những chúng sanh ấy do họ đã trồng gốc rễ cây lành rồi, không phải họ đã trồng trong một đức Phật hoặc hai, ba, bốn, năm Phật mà họ đã trồng vô lượng ngàn muôn ức đức Phật rồi. Cho nên, nghe là họ đã tin liền.

*Này Tu Bồ Đề! Những chúng sanh có khả năng tin hiểu như vậy, Như Lai đều biết hết, thấy hết và biết rằng phước đức mà họ được, lớn nhiều vô lượng vô biên. Vì chúng sanh ấy không bị mắc vào bốn tướng: Chấp ngã, chấp Nhơn, chấp chúng sanh, chấp thọ giả, **cho nên họ mới tin nổi điều đó.** Và người ấy cũng không vướng mắc vào ý niệm chấp: pháp này là đúng, pháp kia không đúng!*

(Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Hán Văn Cru Ma La Thập, Việt Văn: Pháp sư Từ Thông, Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, 2013)

Gần 1000 năm sau, một chàng thanh niên Huệ Năng lượm củi kiếm sống, nuôi mẹ, tình cờ nghe một cư sĩ tại gia tụng Kinh Kim Cang đến câu ‘Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm’, thì chàng đã đại ngộ. Bốn câu kệ của Ngài Lục Tổ Huệ Năng cảm tác (chưa được Tổ Hoàng Nhẫn truyền dạy gì thêm kể từ khi Ngài liễu ngộ câu kệ thần diệu này của Kinh Kim Cang) cho thấy ngài đã thấu đáo lý trung đạo, giải thoát, tịch lặng thường trụ, không có chỗ để trụ tâm.

Bồ đề vốn không cây

Giương sáng cũng không đài

Xưa nay chẳng có vật

Chỗ nào dính bụi nhơ

Rõ ràng câu kệ cuối cùng cho thấy Ngài Huệ Năng không còn chấp ngã, chấp pháp, tâm của ngài vô trụ niết bàn rồi.

Câu kệ thứ ba của Ngài Huệ Năng tương ứng với câu kệ cuối cùng trong bài kinh Udàna 79, Kinh Phật Tự Thuyết thuộc Tiểu Bộ Kinh (Nikàya), cho thấy bản tâm tịch

lặng, không một bận nhờ, chẳng động, chẳng khởi,
chẳng sanh, chẳng diệt:

*Đời bị si trôi buộc,
Được thấy bị tái sanh,
Bị trôi bởi sanh y,
Kẻ ngu bị mù mây,
Tự thấy mình thường còn,
Nhưng với ai thấy được,
Sẽ không có vật gì.*

Nghe pháp vô ngã tướng và hiểu rốt ráo chân đế, hành giả liền được giác ngộ, thông đạt sanh tử niết bàn, tự giải thoát, như đoạn kinh văn trong Hoa Nghiêm Kinh như sau:

Tất cả các pháp đều hư vọng, chẳng thiệt, chóng sanh, chóng diệt, không kiên cố, như mộng như huyễn, như bóng như vang, NÓI DỐI PHỈNH KẼ NGU. Hiểu được như vậy liền được giác ngộ, được tất cả hành pháp, thông đạt sanh tử và niết bàn, chứng Phật bồ đề, tự được độ, khiến người được độ, tự giải thoát, khiến người giải thoát... (Hoa Nghiêm Kinh, Tập II, trtr.455-456).

Trong kinh Phật tự thuyết Udàna 6, Tiểu Bộ Kinh, du sĩ ngoại đạo Bàhiya ngộ đạo, thoát khỏi mọi khổ đau, thành tựu chánh trí giải thoát chỉ sau một thời thuyết pháp ngắn gọn của Thế Tôn về pháp vô ngã tướng: không thấy cái 'ta' ở trong cái nghe, ở trong cái thấy, ở trong cái cảm giác, ở trong cái nhận thức. Hiền trí Bàhiya tin thọ chân ngôn của Thế Tôn, liền được giác ngộ, giải thoát, niết bàn.

Vậy này Bàhiya, Ông cần phải học tập như sau: "Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tướng, sẽ chỉ là cái thọ tướng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là các thức tri ". Như vậy, này Bàhiya, Ông cần phải học tập. Vì rằng, này Bàhiya, nếu với Ông, trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tướng, sẽ chỉ là cái thọ tướng; trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri. Do vậy, này Bàhiya, ông không là chỗ ấy. Vì rằng, này Bàhiya, Ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau.

Nhờ lời thuyết pháp tóm tắt này của Thế Tôn, tâm của Bàhiya Dàruciriya được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Thế Tôn sau khi thuyết cho Bàhiya

Dàruciriya lời giáo giới tóm tắt này, liền ra đi. Thế Tôn ra đi không bao lâu, một con bò con húc chết Bàhiya Dàruciriya. Thế Tôn sau khi khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi ra khỏi thành với nhiều Tỳ-kheo, thấy Bàhiya Dàruciriya bị chết, thấy vậy liền nói với các Tỳ-kheo:

- Nay các Tỳ-kheo, hãy lấy thân xác Bàhiya Dàruciriya, đặt lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, rồi xây tháp lên trên. Nay các Tỳ-kheo, một vị đồng Phạm hạnh với các Thầy đã qua đời!

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, sau khi đặt xác thân của Bàhiya Dàruciriya lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, xây dựng cái tháp cho vị ấy, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thân xác của Bàhiya Dàruciriya đã được hỏa thiêu, tháp đã được xây dựng xong cho vị ấy. Sinh thứ cho vị ấy là gì? Đời sau vị ấy là gì?

- Nay các Tỷ-kheo, Hiền trí là Bàhiya Dàruciriya đã hành trì tùy pháp, đúng pháp và không có phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Nay các Tỷ-kheo, Bàhiya Dàruciriya đã nhập Niết Bàn.

(Kinh Phật Tự Thuyết (Udāna 6), Chương 01-03, Chương 1: Phẩm Bồ Đề, HT Thích Minh Châu).

Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: “Ta đã giải thoát.” Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa” (Tương Ứng Bộ Kinh. Chương 12 Tương Ứng Nhân Duyên, VII Đại Phẩm: Mahāvagga, 70 Susima Hòa Thượng Thích Minh Châu).

Lời Phật dạy sau đây cho thấy đoạn nghi ngờ, thấu hiểu rõ ràng lý trung đạo, chân đế, thì sẽ được giải thoát.

“Giải thoát dứt dứt trôi buộc của lòng nghi ngờ. Đoạn nghi ngờ là chơn giải thoát. Chơn giải thoát chính là Như Lai”, như lời Phật dạy trong Đại Bát Niết Bàn Kinh (Đại Bát Niết Bàn Kinh, Phẩm VII Tứ Tướng, Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, Tr.168).

NGUỒN THAM KHẢO

1. Chân không diệu hữu, tự tại thông dong (Tâm Tịnh căn tập). Tạp Chí Văn Hóa Phật Giáo số 330_01/10/2019 & Thư Viện Hoa Sen – thuvienhoasen.org. Online: <https://thuvienhoasen.org/a32629/chan-khong-dieu-huu-tu-tai-thong-dong>
2. Để tâm vô trụ khi làm từ thiện (Tâm Tịnh căn tập) - Tạp Chí Nghiên Cứu Phật Học số tháng 05/2017. Online: <http://vncpthoc.com/nghien-cuu/phot-giao-phot-trien/de-tam-vo-tru-khi-lam-tu-thien.html>
3. Đoạn nghi ngờ là chơn giải thoát (Tâm Tịnh căn tập). Trang Nhà Quảng Đức – quangduc.com. Online: <https://quangduc.com/p50167a66387/7/doan-nghi-ngo-la-chon-giai-thoat>.
4. Mười Một Cửa Giải Thoát (Tâm Tịnh căn tập). PHẬT GIÁO, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam - Phatgiao.org; Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam – vanhoaphatgiaovietnam.net, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam- Ban Văn Hóa Trung Ương. Online: <https://phatgiao.org.vn/muoi-mot-cua-giai-thoat-d31051.html> or <https://vanhoaphatgiaovietnam.net/thu-vien/sing/muoi-mot-cua-giai-thoat-1583>

5. Tự tại giữa ‘có’ và ‘không’ (Tâm Tịnh) - Tạp Chí Nghiên Cứu Phật Học số tháng 9/2018.
<https://tapchinghiencuuphathoc.com/tu-tai-giua-co-va-khong.html>
6. Tuệ Giải Thoát (Tâm Tịnh cần tập) - Tạp Chí Văn Hóa Phật Giáo số 319, ngày 15/04/2019. Online:
<https://quangduc.com/a65302/van-hoa-phat-giao-so-319-ngay-15-4-2019>
7. Tướng Vô Thường, Tướng Vô Ngã, Thoát mọi khổ đau (Tâm Tịnh cần tập). phatgiao.org, Cơ Quan Ngôn Luận của Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam. Online:
<https://phatgiao.org.vn/tuong-vo-thuong-tuong-vo-nga-thoat-moi-kho-dau-d36594.html>

Dr. Tiến Đặng (Tâm Tịnh), Founder of TỪ HÒA-CICG:
<https://www.tuhoa-cicg.com/stories>